**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TỜ KHAI THÔNG TIN**

**ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN**

***(Mẫu số 01/TKTT-QDMTT)***

**1. THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA**

**1.1. Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia**

**1.1.1. Thông tin về năm tài chính báo cáo của Tập đoàn đa quốc gia**

*1. Tên Tập đoàn đa quốc gia:*Ghi rõ ràng, đầy đủ tên Tập đoàn đa quốc gia được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

*2. Ngày bắt đầu năm tài chính báo cáo:*Ghi ngày bắt đầu của năm tài chính báo cáo theo định dạng dd/mm (Ví dụ: 01/01).

*3. Ngày kết thúc năm tài chính báo cáo:*Ghi ngày kết thúc của năm tài chính báo cáo theo định dạnh dd/mm (Ví dụ: 31/12).

**1.1.2. Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia**

*1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao:*Ghi loại báo cáo tài chính hợp nhất theo một trong các quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15 áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. Cụ thể, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền chỉ tiêu này với nội dung như sau: *Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao được lập theo quy định tại điểm a/điểm b/điểm c/điểm d, khoản 10, Điều 3, Nghị quyết số 107/2023/QH15*.

*2. Chuẩn mực kế toán tài chính trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao:* Ghi chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. Nếu Công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính hợp nhất, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận bởi cơ quan kế toán có thẩm quyền được sử dụng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

*3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao:*Ghi mã ISO của đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao. Nếu Công ty mẹ tối cao không lập báo cáo tài chính hợp nhất, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền mã ISO của đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

**1.2. Cấu trúc Tập đoàn**

**1.2.1. Công ty mẹ tối cao**

Thông tin công ty mẹ tối cao dùng để kê khai ở mục này là thông tin tại ngày cuối cùng của năm tài chính báo cáo. Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia là Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai thông tin tại chỉ tiêu 1 và 2 cho từng Công ty mẹ tối cao.

*1. Quốc gia công ty mẹ tối cao cư trú:* Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự theo tiêu chuẩn ISO 3166-1 cho quốc gia cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà Công ty mẹ tối cao cư trú.

*2. Tên công ty mẹ tối cao:*Ghi rõ ràng, đầy đủ tên Công ty mẹ tối cao theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

**1.2.2. Các đơn vị thuộc Tập đoàn đa quốc gia, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh**

*1. Tên của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh:*Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*2. Mã số thuế*: Ghi mã số thuế được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại Việt Nam của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

*3. Trạng thái theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu*: Ghi trạng thái cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của từng đơn vị hợp thành. Các trạng thái bao gồm:

* Đơn vị hợp thành
* Công ty trung chuyển – Công ty không chịu thuế
* Công ty trung chuyển – Công ty lưỡng tính nghịch
* Công ty lưỡng tính
* Cơ sở thường trú
* Công ty chính
* Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
* Công ty con thuộc sở hữu thiểu số
* Đơn vị hợp thành thuộc sở hữu thiểu số

(*Là đơn vị hợp thành thuộc sở hữu thiểu số độc lập không thuộc tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số*)

* Đơn vị đầu tư
* Đơn vị đầu tư bảo hiểm
* Liên doanh
* Công ty con của liên doanh
* Đơn vị hợp thành không trọng yếu

Nếu một đơn vị hợp thành có nhiều hơn một trạng thái, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các trạng thái trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

***1.2.3. Đơn vị bị loại trừ***

*1. Tên đơn vị bị loại trừ*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị bị loại trừ theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*2. Loại hình đơn vị bị loại trừ*: Ghi loại hình của từng đơn vị bị loại trừ đã khai tên ở chỉ tiêu số 1. Các loại hình bao gồm (với mỗi đối tượng chỉ chọn 01 loại hình duy nhất):

* Tổ chức chính phủ
* Tổ chức quốc tế
* Tổ chức phi lợi nhuận
* Quỹ hưu trí
* Quỹ đầu tư là Công ty mẹ tối cao
* Tổ chức đầu tư bất động sản là Công ty mẹ tối cao
* Đơn vị được sở hữu bởi đơn vị bị loại trừ theo quy định tại tiết b.1, điểm b, khoản 3, Điều 3 Nghị định số ... ngày...
* Đơn vị được sở hữu bởi đơn vị bị loại trừ theo quy định tại tiết b.2, điểm b, khoản 3, Điều 3 Nghị định số ... ngày...

**1.2.4. Thay đổi về cấu trúc tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo**

**a:** Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chọn “Có” nếu bất kỳ thay đổi phát sinh trong năm tài chính báo cáo không được khai trong mục này vì những thay đổi đó không ảnh hưởng đến việc tính toán thuế suất thực tế và thuế bổ sung hoặc thuế phân bổ từ thuế bổ sung tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính

**Ví dụ**: Trước khi thay đổi, một đơn vị hợp thành không tham gia vào bất kỳ việc phân bổ thu nhập hoặc thuế xuyên quốc gia nào, đơn vị hợp thành đó thuộc sở hữu trực tiếp và toàn bộ bởi công ty mẹ tối cao. Sau khi thay đổi, đơn vị hợp thành đó được chuyển giao cho một đơn vị hợp thành khác thuộc sở hữu trực tiếp và toàn bộ bởi công ty mẹ tối cao.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải khai thông tin mục này nếu không có đơn vị hợp thành hoặc công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh nào có thay đổi trong năm tài chính báo cáo và chỉ khai khi phát sinh những thay đổi trong năm tài chính báo cáo có ảnh hưởng đến việc tính toán thuế suất thực tế hoặc tính toán thuế phân bổ từ thuế bổ sung.

*1. Tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh***:** Ghi tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh có phát sinh thay đổi trong năm tài chính báo cáo ảnh hưởng đến việc tính tính toán thuế tối thiểu toàn cầu.

*2. Mã số thuế*:Ghi mã số thuế được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại Việt Nam của tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh có phát sinh thay đổi trong năm tài chính báo cáo ảnh hưởng đến việc tính tính toán thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính báo cáo.

*3. Ngày có hiệu lực thay đổi:*Ghi ngày có hiệu lực của thay đổi (theo định dạng dd/mm/yyyy). Nếu một đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh có nhiều hơn một thay đổi trong năm tài chính báo cáo, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai riêng từng dòng cho mỗi sự thay đổi.

*4. Trạng thái theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi:*Xác định trạng thái cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh vào ngày ngay trước ngày có thay đổi.

Các trạng thái bao gồm:

* Đơn vị hợp thành
* Cơ sở thường trú
* Công ty chính
* Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
* Công ty con thuộc sở hữu thiểu số
* Đơn vị hợp thành thuộc sở hữu thiểu số
* Đơn vị đầu tư
* Đơn vị đầu tư bảo hiểm
* Liên doanh
* Công ty con của liên doanh
* Đơn vị hợp thành không trọng yếu
* Công ty mẹ bị sở hữu một phần
* Công ty mẹ trung gian
* Công ty mẹ tối cao
* Đơn vị bị loại trừ
* Đơn vị không thuộc Tập đoàn

Nếu một đơn vị hợp thành có nhiều hơn một trạng thái, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các trạng thái trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

*5. Trạng thái theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi:*Xác định trạng thái cho mục đích áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh vào ngày có hiệu lực thay đổi.

Các trạng thái bao gồm:

* Đơn vị hợp thành
* Công ty trung chuyển – Công ty không chịu thuế
* Công ty trung chuyển – Công ty lưỡng tính nghịch
* Công ty lưỡng tính
* Cơ sở thường trú
* Công ty chính
* Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
* Công ty con thuộc sở hữu thiểu số
* Đơn vị hợp thành thuộc sở hữu thiểu số
* Đơn vị đầu tư
* Đơn vị đầu tư bảo hiểm
* Liên doanh
* Công ty con của liên doanh
* Đơn vị hợp thành không trọng yếu
* Công ty mẹ bị sở hữu một phần
* Công ty mẹ trung gian
* Công ty mẹ tối cao
* Đơn vị bị loại trừ
* Đơn vị không thuộc Tập đoàn

Nếu một đơn vị hợp thành có nhiều hơn một trạng thái, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các trạng thái trong cùng một dòng tương ứng với tên và mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

**2. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng**

Trong trường hợp thỏa mãn điều kiện áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm làm thuế bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng 0 đối với các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chỉ kê khai thông tin vào mục quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tương ứng tại Mục 2 này, không phải kê khai Mục 3**,** *ngoại trừ hướng dẫn chi tiết một số chỉ tiêu ở Mục 3 yêu cầu phải kê khai khi áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm*.

**2.1.** **Quy định giảm trừ trách nhiệm tại Việt Nam**

*1. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng*: Ghi rõ ràng, đầy đủ quy định giảm trừ trách nhiệm mà các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thỏa mãn điều kiện áp dụng.

Các quy định giảm trừ trách nhiệm bao gồm:

(a) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp – Tiêu chí về tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế thu nhập (Tiết a.1, điểm a, khoản 1, Điều 11, Nghị định).

(b) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp – Tiêu chí về thuế suất thực tế được đơn giản hóa (Tiết a.2, điểm a, khoản 1, Điều 11, Nghị định).

(c) Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp – Tiêu chí về lợi nhuận (hoặc lỗ) trước thuế thu nhập (Tiết a.3, điểm a, khoản 1, Điều 11, Nghị định).

(d) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về lợi nhuận thông thường (Điểm a khoản 1 Điều 12, Nghị định).

(đ) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về ngưỡng doanh thu và thu nhập tối thiểu (Điểm b khoản 1 Điều 12, Nghị định).

(e) Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tiêu chí về thuế suất thực tế (Điểm c khoản 1 Điều 12, Nghị định).

- Nếu lựa chọn quy định giảm trừ trách nhiệm tại điểm (c), đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai mục xác định giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ đối với các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh tuân theo các quy định giảm trừ trách nhiệm đã lựa chọn (Mục 3.1.2 Tờ khai thông tin này).

- Nếu lựa chọn quy định giảm trừ trách nhiệm tại điểm (đ), (đ) hoặc (e), đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai mục xác định thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành đối với các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh có liên quan (Mục 3.5 Tờ khai thông tin này) và theo các hướng dẫn sau đây:

+ Trường hợp phương pháp tính toán đơn giản chỉ áp dụng cho một phần tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải khai các chỉ tiêu liên quan tại Mục 3 mà không thuộc phạm vi áp dụng của việc tính toán đơn giản.

+ Trường hợp phương pháp tính toán đơn giản chỉ áp dụng cho một bộ phận các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ kê khai Mục 3 cho tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của các Tập đoàn Liên doanh cư trú tại quốc gia áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm.

***2.1.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm - Tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu (Khoản 3, Điều 12 Nghị định)***

*1. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành trong quốc gia:* Khai tổng doanh thu của các đơn vị hợp thành không trọng yếu cư trú tại Việt Nam trong năm tài chính báo cáo, năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) và năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) và bình quân 3 năm tài chính tương ứng theo quy định giảm trừ trách nhiệm tại Điều 12 Nghị định.

*2. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu***:** Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền tổng số thuế được đơn giản hóa của các đơn vị hợp thành không trọng yếu cư trú tại Việt Nam trong năm tài chính báo cáo.

***2.1.2. Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp (Điều 11 Nghị định)***

Khi Báo cáo tài chính đạt chuẩn được sử dụng để khai trong mục này là Báo cáo tài chính riêng của một đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh và dựa trên chuẩn mực kế toán khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai Mục 4.5 Tờ khai thông tin này để khai thông tin về các chuẩn mực kế toán khác.

*3. Tổng doanh thu*:Khai tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn cho năm tài chính báo cáo.

*4. Lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp:* Khai lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam trên Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn của Tập đoàn đa quốc gia cho năm tài chính báo cáo.

*5. Các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa*:Khai các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

*6. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa*: Khai thuế suất thực tế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

**2.2. Lựa chọn** **xác định thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành tại quốc gia bằng 0 (Khoản 2 Điều 5 Nghị định)**

Khi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn xác định thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam bằng 0, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ kê khai Mục 3.5, Mục 4.5 (nếu có) Tờ khai thông tin này cho các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ khai số liệu cho các chỉ tiêu từ 1 đến chỉ tiêu 4 dưới đây cho năm tài chính báo cáo, năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) và năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng), cùng với bình quân 3 năm tài chính tương ứng.

Lựa chọn trường hợp thuế bổ sung được xác định bằng 0 áp dụng đối với tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam. Khi tính doanh thu và thu nhập bình quân theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tập đoàn đa quốc gia tính cả phần Doanh thu bình quân và Thu nhập bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị của một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số hoặc một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số.

Việc tính toán giá trị bình quân của doanh thu và thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu dựa trên cơ sở 3 năm tài chính cùng độ dài. Trường hợp một năm tài chính không đủ 12 tháng theo năm dương lịch, thì doanh thu và thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của năm tài chính đó sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ độ dài năm dương lịch/năm tài chính đó để quy về mức doanh thu và thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của một năm tài chính tương ứng với độ dài năm tài chính theo năm dương lịch.

*1. Doanh thu tại Báo cáo tài chính:*Khai tổng doanh thu của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam trước khi có bất kỳ điều chỉnh nào theo Mục 3 Tờ khai thông tin này.

*2. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:*Khai tổng doanh thu theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi thực hiện các điều chỉnh tại Mục 3 Tờ khai thông tin này và chỉ tính đến các khoản điều chỉnh có liên quan đến doanh thu của đơn vị hợp thành.

*3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính:*Khai tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam trước khi có bất kỳ điều chỉnh nào theo Mục 3 Tờ khai thông tin này.

*4. Thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:*Khai tổng thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam theo kết quả tính toán tại Mục 3 Tờ khai thông tin này.

**2.3. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế** **(Điều 9 Nghị định)**

Trường hợp thỏa mãn điều kiện tại mục này, không đơn vị thuộc Tập đoàn nào được được yêu cầu áp dụng QIIR, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không phải điền Mục 2.1, Mục 2.2 và Mục 3 Tờ khai thông tin này.

*1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu*: Ghi theo định dạng dd/mm/yyyy.

*2. Nước tham chiếu*: Nước tham chiếu của tập đoàn đa quốc gia được định nghĩa tại khoản 3 Điều 9.

*3.* *Giá trị sổ sách ròng* *của* *tài sản hữu hình trong nước tham chiếu cho năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia* *bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu*: Ghi giá trị sổ sách ròng tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

*4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu*: Nước cư trú của của liên doanh và các công ty con của liên doanh hoặc đơn vị đầu tư không phải là đơn vị bị loại trừ không được tính vào để xác định số lượng quốc gia Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú.

*5. Giá trị sổ sách ròng của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành nằm ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định thuế tối thiểu toàn cầu*:

- Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự theo tiêu chuẩn ISO 3166 -1 Alpha 2 cho từng nước (ngoài nước tham chiếu) mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Số lượng quốc gia (ngoài nước tham chiếu) có đơn vị hợp thành của Tập đoàn đa quốc gia cư trú để đáp ứng quy định này tối đa bằng 5.

- Ghi giá trị sổ sách ròng của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành nằm ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

*6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo*: Ghi số lượng quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành trong năm tài chính báo cáo.

*7.* *Tổng giá trị sổ sách ròng tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các quốc gia khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo:* Ghi tổng giá trị sổ sách ròng tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các quốc gia khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo.

**3. Tính toán theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

**3.1. Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung**

**3.1.1. Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

*1. Tổng* *thu nhập hoặc lỗ ròng* *tại Báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ giữa Công ty chính và Cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ ròng của công ty trung chuyển*: Ghi tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính phục vụ mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi phân bổ thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính giữa các công ty chính và cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của công ty trung chuyển.

*2. Các khoản điều chỉnh (Tiết c.1, điểm c, Khoản 1, Điều 5 Nghị định):*

Trong mục này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được yêu cầu kê khai tổng tất cả các điều chỉnh đối với thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam.

| **Khoản điều chỉnh** | **Tham chiếu** |
| --- | --- |
| 2.1. Chi phí thuế ròng | Điểm 4.1.1, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.2. Cổ tức được loại trừ | Điểm 4.1.2, Khoản 4 Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ | Điểm 4.1.3, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại | Điểm 4.1.4, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.5. Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ | Khoản 14, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.6. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau | Điểm 4.1.5, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.7. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định | Điểm 4.1.6, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.8. Sai sót của các kỳ trước | Điểm 4.1.7, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.9. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán | Điểm 4.1.7, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.10. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp | Điểm 4.1.8, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.11. Xóa nợ | Điểm 4.2, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.12. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu | Điểm 4.3, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.13. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường | Điểm 4.4, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.14. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm | Điểm 4.5, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn | Điểm 4.6, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.16. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ của công ty bảo hiểm | Điểm 4.7, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.17. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ liên quan đến vốn cấp một bổ sung, vốn cấp một bị hạn chế | Điểm 4.8, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia | Khoản 13, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển | Khoản 17, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.20. Thu nhập từ vận tải quốc tế được loại trừ | Khoản 5, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.21. Điều chỉnh trong giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp | Khoản 4, Khoản 1, Mục IV, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |

*3. Thu nhập hoặc Lỗ ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh* = [Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ giữa Công ty chính và Cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ ròng của công ty trung chuyển] + [Các khoản điều chỉnh].

**3.1.2. Xác định giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ**

***3.1.2.1. Tổng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ* (*Tiết c.2, điểm c, khoản 1, Điều 5, Nghị định*)**

Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không điền bảng tính Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ có nghĩa là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn không áp dụng giảm trừ Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ.

*1. Chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ:*

*1.1. Chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số lượng người lao động hợp lệ:* Khai tổng chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số người lao động hợp lệ thực hiện các hoạt động của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam.

*1.2. Tỷ lệ giảm trừ:*5%.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tiền lương được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

*2. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ được giảm trừ:*

*2.1. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ*: Khai tổng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam.

*2.2. Tỷ lệ giảm trừ*: 5%.

Trong giai đoạn chuyển tiếp từ năm 2024, giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ cho từng năm theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

*3. Tổng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ*

Tổng giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ = [Chi phí tiền lương hợp lệ trả cho tổng số lượng người lao động hợp lệ tại Việt Nam] \* [Tỷ lệ giảm trừ] + [Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ tại Việt Nam] \* [Tỷ lệ giảm trừ].

***3.1.2.2. Phân bổ*** ***chi phí tiền lương hợp lệ và giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ cho các cơ sở thường trú (Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định)***

*1. Quốc gia công ty chính cư trú:* Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2 nơi công ty chính cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các công ty chính này có cơ sở thường trú được phân bổ chi phí tiền lương hợp lệ và giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ. Đối với công ty chính không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”.

*2. Chi phí tiền lương hợp lệ của các công ty chính:* Khai chi phí tiền lương hợp lệ của tất cả các công ty chính tại quốc gia trước khi thực hiện phân bổ cho các cơ sở thường trú.

*3. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của các công ty chính*: Khai giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các công ty chính trước khi thực hiện phân bổ cho các cơ sở thường trú.

*4. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú:* Ghi mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2 nơi có các cơ sở thường trú của các công ty chính tại quốc gia đã khai tại chỉ tiêu số 1 cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, mà các cơ sở thường trú này được phân bổ chi phí tiền lương hợp lệ và giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ. Đối với cơ sở thường trú không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”.

*5. Chi phí tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú:* Khai chi phí tiền lương hợp lệ được phân bổ cho các cơ sở thường trú của các công ty chính tương ứng theo quy định tại Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*6. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú*: Khai giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho các cơ sở thường trú của các công ty chính tương ứng Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*7. Chi phí tiền lương hợp lệ sau phân bổ của công ty chính*: [7] = [2] – [5].

*8. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của công ty chính*:

[8] = [3] – [6]

***3.1.2.3. Phân bổ chi phí tiền lương hợp lệ và giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển (Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định)***

*1. Chi phí tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển:* Khai chi phí tiền lương hợp lệ của tất cả các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển cư trú tại Việt Nam trước khi thực hiện phân bổ.

*2. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển*: Khai giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của tất cả các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển cư trú tại Việt Nam trước khi thực hiện phân bổ.

*3. Quốc gia chủ sở hữu của cơ sở thường trú cư trú*: Đơn vị hợp thànhchịu trách nhiệm kê khai điền mã quốc gia gồm 2 ký tự theo tiêu chuẩn ISO 3166-1 cho quốc gia nơi chủ sở hữu cơ sở thường trú cư trú theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

*4. Chi phí tiền lương hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển*: Khai chi phí tiền lương hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu cơ sở thường trú theo quy định tại Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*5. Giá trị còn lại của tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu công ty trung chuyển*: Khai giá trị còn lại của tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu cơ sở thường trú theo quy định tại Điểm 6.4, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*6. Chi phí tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển sau khi phân bổ cho công ty mẹ tối cao*: [6] = [2] – [4].

*7. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là công ty trung chuyển sau khi phân bổ cho công ty mẹ tối cao*: [7] = [3] – [5]

**3.2. Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh (Tiết b.1 và b.2, Khoản 1, Điều 5, Nghị định)**

**3.2.1. Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh**

*1. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác:* Khai tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của các Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam sau khi phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác.

*2. Các khoản điều chỉnh:* Trong mục này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được yêu cầu kê khai tổng giá trị các điều chỉnh đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam.

| **Khoản điều chỉnh** | **Tham chiếu** |
| --- | --- |
| 2.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ sách kế toán | Điểm 8.2.1, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.2. Khoản Tài sản Thuế Hoãn lại do Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu | Điểm 8.2.2, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn | Điểm 8.2.3, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu | Điểm 8.3.1, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.5. Khoản giảm trừ hoặc hoàn trả thuế, trừ Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường mà không được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành | Điểm 8.3.2, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ, trừ khoản giảm thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn và khoản trả trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán. | Điểm 8.3.3, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn | Điểm 8.3.4, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính | Điểm 8.3.5, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.9. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai | Khoản 11, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là Công ty trung chuyển | Khoản 17, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.11. Tổng các khoản Điều chỉnh thuế hoãn lại | Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần Thu nhập Toàn diện Khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy tắc thuế nội địa | Điểm 8.1.3, Khoản 8, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.13. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp phát sinh trong năm tài chính báo cáo | Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Nghị định và Khoản 8.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 2.14. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được sử dụng trong năm tài chính báo cáo | Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Nghị định và Khoản 8.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |

*3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh*: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của các Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam.

[Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh] = [Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác] + [Các khoản điều chỉnh].

**3.2.2. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp (Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Nghị định và Khoản 8.6 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định)**

*1. Số dư từ năm trước chuyển sang*: Số dư từ các năm trước là số tiền còn lại của chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp chưa giảm trừ vào số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh.

*2. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp phát sinh trong năm tài chính:* Khai khoản chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được tạo ra trong năm tài chính báo cáo cho các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.

*3. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được sử dụng trong năm tài chính*: Khai chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được sử dụng cho năm tài chính báo cáo. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được sử dụng là số thấp hơn giữa số dư còn lại của chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp và các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh trong năm tài chính báo cáo.

*4. Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp còn lại cho các năm kế tiếp:* Chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp còn lại cho các năm tiếp theo là tổng của số dư từ các năm trước và chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được tạo ra cho năm tài chính báo cáo và trừ đi chi phí thuế âm vượt ngưỡng được chuyển tiếp được sử dụng cho năm tài chính báo cáo. Theo đó: [6] = [3] + [4] – [5].

**3.2.3. Tính toán liên quan đến kế toán thuế hoãn lại**

***3.2.3.1. Các điều chỉnh thuế hoãn lại***

***a. Tổng hợp kết quả***

*1. Chi phí thuế hoãn lại [A]*: Khai tổng số chi phí thuế hoãn lại được trích trước trong sổ kế toán của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh cư trú tại Việt Nam.

*2. Tính lại chi phí thuế hoãn lại theo mức thuế suất tối thiểu [B] = [C]+[D]*: Khai tổng chi phí thuế hoãn lại được tính lại theo tỷ lệ thuế suất tối thiểu (15%). Việc tính lại chi phí thuế hoãn lại tại mức thuế suất tối thiểu gồm 2 trường hợp tại chỉ tiêu số 3 và 4.

*3.* *Chi phí thuế hoãn lại phát sinh do lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [C]*: Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại phát sinh do lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tính lại chi phí thuế hoãn lại ở mức thuế suất tối thiểu.

*4. Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận ở mức thuế suất cao hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [D]*: Khai số chi phí thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu.

*5. Tổng giá trị điều chỉnh [E]:* Tổng số tiền điều chỉnh điền tại chỉ tiêu này sẽ là kết quả tính toán cuối cùng của mục b (phân tích các điều chỉnh thuế hoãn lại) dưới đây.

*6. Tổng chi phí thuế hoãn lại đã điều chỉnh [F]=[B]+/-[E]:* Ghi tổng chi phí thuế hoãn lại đã điều chỉnh theo công thức **[F]=[B]+/-[E]**.

***b. Phân tích các điều chỉnh***

*1. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại*: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai khai các điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại chi tiết theo quy định tại Khoản 9 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

| **Khoản điều chỉnh** | **Tham chiếu** |
| --- | --- |
| 1.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính Thu nhập hoặc Lỗ theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu | Điểm 9.1.1 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.2 Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận | Điểm 9.1.2 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính | Điểm 9.1.2 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại | Điểm 9.1.3 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước | Điểm 9.1.4 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.6. Chi phí thuế hoãn lại liên quan đến tạo lập và sử dụng khoản giảm trừ thuế | Điểm 9.1.5 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau | Điểm 9.1.5 Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.8. Các khoản trích trước không được chấp nhận hoặc các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính | Điểm 9.2.1, Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.9. Các khoản thuế hoãn lại được thu hồi được xác định trong năm tài chính liền trước và nộp trong năm tài chính hiện hành | Điểm 9.2.2, Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành nhưng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại. | Điểm 9.2.3, Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất | Điểm 11.2, Khoản 11, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất | Điểm 11.3, Khoản 11, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành gia nhập hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia | Khoản 13, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.14. Chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là Công ty trung chuyển | Khoản 17, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |
| 1.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp | Khoản 4, Khoản 1, Mục IV, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định |

*2. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại:* Điền tổng số tiền điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại. Số tiền được kê khai ở mục này sẽ được kê khai tại chỉ tiêu số 5 điểm a mục này (Phần tổng hợp kết quả).

***3.2.3.2. Cơ chế thu hồi (Điểm 9.4, Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định)***

*2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo Cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời*: Khai khoản thuế hoãn lại phải trả mà không phải là khoản thuế trích trước thuộc ngoại lệ không thu hồi.

*3. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi*: Khai theo hướng dẫn tại Điểm 9.4, Khoản 9, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*4. Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi*: Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi = Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo Cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời - Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi.

***3.2.3.3. Quy tắc chuyển tiếp (Điều 8 Nghị định)***

*1. Năm chuyển tiếp*: Năm chuyển tiếp đối với Việt Nam là năm tài chính đầu tiên mà tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam. Chỉ tiêu này sẽ được kê khai hàng năm, các chỉ tiêu còn lại ở mục này chỉ phải kê khai nếu năm tài chính báo cáo cũng là năm chuyển tiếp.

***a. Xử lý khoản tài sản thuế hoãn lại trong thời chuyển tiếp***

*a.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả*

*1. Khoản thuế hoãn lại phải trả:*

*1.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp*: Khai giá trị khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp. Khoản thuế hoãn lại phải trả vào đầu năm chuyển tiếp là tổng số thuế hoãn lại phải trả đã được phản ánh hoặc ghi nhận trong Báo cáo tài chính tại ngày đầu năm chuyển tiếp của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam, không bao gồm bất kỳ khoản thuế hoãn lại phải trả nào nào phát sinh từ việc chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp. Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được điều chỉnh tại mục b dưới đây.

*1.2. Khoản thuế hoãn phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu*: Việc tính lại ở mức thuế suất tối thiểu không áp dụng nếu thuế suất nội địa áp dụng thấp hơn mức tối thiểu.

*a.2. Tài sản thuế hoãn lại phải trả*

*1. Tài sản thuế hoãn lại phải trả:*

*1.1. Tài sản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp [A]*: Điền tổng tài sản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp là tổng số tài sản thuế hoãn lại đã được phản ánh hoặc ghi nhận trong Báo cáo tài chính tại ngày đầu năm chuyển tiếp của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam, không bao gồm khoản thuế hoãn lại phải trả phát sinh từ giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp. Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được điều chỉnh tại Mục b dưới đây.

*1.2. Tài sản thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [B]*: Việc tính lại ở mức thuế suất tối thiểu không áp dụng nếu thuế suất nội địa áp dụng thấp hơn mức thuế suất tối thiểu, trừ khi có thể chứng minh rằng tài sản thuế hoãn lại là do lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, trong trường hợp này, tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thấp hơn mức thuế suất tối thiểu có thể được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu.

*1.3. Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ những khoản mục được loại trừ [C]*: Điền tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các mục bị loại trừ khỏi tính toán thu nhập hoặc lỗ của theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu phải được loại trừ nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại đó được tạo ra trong một giao dịch diễn ra sau ngày 30 tháng 11 năm 2021.

*1.4. Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu [D]*: Điền tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại sẽ được ghi nhận cho các mục đích tính toán thu nhập hoặc lỗ theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu tại đầu năm chuyển tiếp.

Theo đó, [D] = [A] hoặc [B] – [C].

***b. Chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp***

*1. Quốc gia của các đơn vị hợp thành chuyển giao*: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ liệt kê tất cả các quốc gia mà các đơn vị hợp thành hoặc công ty thành viên của các Tập đoàn liên doanh cư trú mà các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của các Tập đoàn liên doanh đó đã chuyển giao tài sản cho các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của các Tập đoàn liên doanh khác sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp. Việc chuyển nhượng có thể bao gồm: chuyển nhượng tài sản trong một nước, chuyển nhượng tài sản xuyên biên giới, chuyển nhượng hoặc được xác định là chuyển nhượng tài sản trong một đơn vị.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sẽ xác định quốc gia dưới dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2. Đối với đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”. Mỗi quốc gia sẽ được kê khai một dòng.

*2. Thuế đã trả với các giao dịch*: Khai số tiền thuế đã nộp đối với các giao dịch chuyển nhượng tài sản nói trên.

*3. Tài sản hoặc nghĩa vụ thuế hoãn lại ròng tại sổ sách kế toán của đơn vị hợp thành chuyển giao*: Khai số tiền ròng của tổng tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả trên các tài sản được chuyển giao được phản ánh trong sổ sách kế toán của các đơn vị hợp thành.

* Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày là **số dương**.
* Khoản thuế hoãn lại phải trả được trình bày là **số âm**.

*4. Giá trị ghi sổ còn lại của tài sản được chuyển giao theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:* Giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển giao theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu còn lại là tổng giá trị ghi sổ của các tài sản được chuyển giao sẽ được ghi nhận cho các mục đích theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu vào đầu năm chuyển tiếp. Số tiền này sẽ được xác định bằng cách điều chỉnh giá trị ghi sổ còn lại của tài sản được chuyển giao vào ngày thực hiện chuyển giao, sau khi điều chỉnh chi phí vốn và khấu hao sau khi chuyển giao và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp.

*5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc khoản thuế hoãn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển giao* *theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển giao*: Khai số tiền ròng của tổng tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả trên các tài sản được chuyển giao theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

* Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày là **số dương**.
* Khoản thuế hoãn lại phải trả được trình bày là **số âm**.

**3.3. Các lựa chọn quốc gia**

**3.3.1. Các lựa chọn**

***a. Lựa chọn hằng năm***

*Chỉ tiêu 1,2,3*: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tick chọn Có/Không đối với từng lựa chọn hằng năm.

***b. Lựa chọn năm năm***

*Chỉ tiêu 1-2:*Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền năm lựa chọn và năm chấm dứt lựa chọn vào các lựa chọn năm năm mà đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn. Trường hợp không lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần điền thông tin vào ô lựa chọn đó.

***c. Lựa chọn lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Khoản 10, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định)***

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai căn cứ quy định Khoản 10, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định để thực hiện lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu. Trường hợp lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền năm lựa chọn và năm chấm dứt lựa chọn. Trường hợp không lựa chọn, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần điền thông tin vào mục này.

**3.3.2. Các yêu cầu về thông tin liên quan đến lựa chọn quốc gia**

**3.4. Xác định thuế suất thực tế**

*Chỉ tiêu 1,2,3,4*: Điền số liệu từng chỉ tiêu của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam. Các chỉ tiêu bao gồm:

- Thu nhập hoặc Lỗ ròng tại Báo cáo tài chính;

- Thu nhập hoặc Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính;

- Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

*5. Thuế suất thực tế*: Điền thuế suất thực tế (%) tại của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

Thuế suất thực tế = Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu/ Thu nhập hoặc Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

**3.5. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành**

***3.5.1. Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại (Tiết d.1, điểm d, Khoản 1, Điều 5, Nghị định)***

*1. Cơ sở của sự điều chỉnh*: Ghi rõ quy định dẫn đến sự điều chỉnh thuế suất thực tế và thuế bổ sung cho năm tài chính trước năm tài chính báo cáo. Bao gồm các quy định sau: khoản 9.4 Mục II, khoản 11.1 Mục II, khoản 11.4 Mục II, khoản 1.4 Mục II và khoản 9 Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*2. Năm liên quan*: Ghi rõ các năm tài chính trước năm tài chính báo cáo có sự điều chỉnh thuế suất thực tế theo các quy định đã khai ở chỉ tiêu số 1.

*Chỉ tiêu 4 đến chỉ tiêu 10*: Ghi rõ số tiền đã kê khai của từng chỉ tiêu trong năm tài chính trước có sự điều chỉnh thuế suất thực tế tại dòng “*a. Đã kê khai*” và sau khi tính toán lại thuế suất thực tế tại năm tài chính trước (nếu có) và năm tài chính báo cáo tại dòng “*b. Tính lại*”.

*11. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành*: Điền số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành. Số liệu này là chênh lệch giữa thuế bổ sung đã kê khai và tính lại.

***3.5.2. Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến (Tiết d.2, điểm d, Khoản 1, Điều 5, Nghị định)***

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai không cần phải kê khai mục này nếu Tập đoàn đa quốc gia có Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam có giá trị dương.

*1. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh (nếu âm) [A]*: Điền giá trị thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam nếu số liệu này có giá trị âm.

*2. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [B]*: Điền giá trị khoản lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh dự kiến [C] = 15% x [B]*: Điền số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh dự kiến tính của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [D] = [C] - [A]*: Điền số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

**3.6. Tính toán thuế bổ sung**

*1. Tỷ lệ thuế bổ sung*: Khai tỷ lệ phần trăm thuế bổ sung tính của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*2. Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ:* Khai Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung*: Khai lợi nhuận tính thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành*: Khai thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*5. Thuế bổ sung:* Khai thuế bổ sung các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam. [8] = [5] x [3] + [6] – [7]

**4. Số liệu tính toán của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh**

**4.1. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu**

**4.1.1. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính**

*Chỉ tiêu 1,2*: Điền thông tin về tên và mã số thuế của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

*Chỉ tiêu 3,4,5:* Điền số liệu điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính tương tự hướng dẫn tại Mục 3.1.1 Tờ khai thông tin này của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tương ứng.

**4.1.2. Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa Công ty chính và cơ sở thường trú**

*1. Tên công ty chính*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên công ty chính theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*2. Mã số thuế của công ty chính*: Điền mã số thuế của công ty chính được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính trước khi điều chỉnh*: Điền thu nhập hoặc lỗ ròng trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty chính.

*4. Tên cơ sở thường trú*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên cơ sở thường trú theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*5. Mã số thuế của cơ sở thường trú*: Điền mã số thuế của cơ sở thường trú được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*6. Quốc gia cư trú của cơ sở thường trú:* Ghi tên quốc gia cư trú của cơ sở thường trú dưới dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2. Đối với cơ sở thường trú không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”.

*7.* *Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú:* Điền thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trútheo quy định tại Khoản 2 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

*9. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi điều chỉnh của công ty chính*: [10] = [5] – [9]

**4.1.3. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia**

*1. Tên* *đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thực hiện điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thông qua các khoản điều chỉnh liên quan đến giao dịch giữa các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh giữa các quốc gia khác nhau theo Quyết định thành lập, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*2. Mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh*: Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai tại chỉ tiêu số 1 được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*3. Cơ sở của sự điều chỉnh*: Ghi rõ quy định điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thông qua các khoản điều chỉnh liên quan đến giao dịch giữa các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh giữa các quốc gia khác nhau. Các quy định dẫn tới sự điều chỉnh tại mục này bao gồm:

- Điểm 4.4, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định (Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường);

- Điểm 4.6, Khoản 4, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định (Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn);

*4. Tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan đến việc điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*5. Mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan*: Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai tại chỉ tiêu số 4 được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*6. Quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan:* Ghi tên quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan đã khai tại chỉ tiêu số 4 dưới dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2. Đối với đơn vị hợp thành không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”.

*7. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành:* Điền giá trị khoản điều chỉnh tăng trong thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo quy định điều chỉnh đã xác định tại chỉ tiêu số 3.

*8. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành*: Điền giá trị khoản điều chỉnh giảm trong thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo quy định điều chỉnh đã xác định tại chỉ tiêu số 3.

**4.2. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh**

**4.2.1. Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong kế toán**

*Chỉ tiêu 1,2*: Điền thông tin về tên và mã số thuế của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam.

*Chỉ tiêu 3,4,5:* Điền số liệu điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác tương tự hướng dẫn tại mục 3.2.1 của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tương ứng.

**4.2.2. Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác**

*1. Tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thực hiện điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng theo Quyết định thành lập, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*2. Mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh*: Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai tại chỉ tiêu số 1 được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh trước điều chỉnh:* Điền giá trị khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh trước điều chỉnh.

*4. Cơ sở của sự điều chỉnh*: Ghi rõ quy định điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu từ một đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh này sang một đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh khác. Các quy định dẫn tới sự điều chỉnh tại mục này bao gồm:

- Điểm 7.2.1, Khoản 7, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định;

- Điểm 7.2.2, Khoản 7, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định;

- Điểm 7.2.3, Khoản 7, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định;

- Điểm 7.2.4, Khoản 7, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định;

- Điểm 7.5, Khoản 7, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định;

*5. Tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan*: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan đến việc điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai tại chỉ tiêu số 1 theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cư trú cấp.

*6. Mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan*: Điền mã số thuế của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai tại chỉ tiêu số 5 được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ thuế thuộc phạm vi áp dụng (thuế nội địa) tại quốc gia cư trú.

*7. Quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan:* Ghi tên quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh liên quan đã khai tại chỉ tiêu số 5 dưới dạng mã quốc gia gồm 2 ký tự chữ cái dựa trên tiêu chuẩn ISO 3166-1 Alpha 2. Đối với đơn vị hợp thành không xác định được quốc gia cư trú, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền “Không xác định nước cư trú”.

*8. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành:* Điền giá trị khoản điều chỉnh tăng trong khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo quy định điều chỉnh đã xác định tại chỉ tiêu số 4.

*9. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành*: Điền giá trị khoản điều chỉnh giảm trong khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh theo quy định điều chỉnh đã xác định tại chỉ tiêu số 4.

*10. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh sau khi điều chỉnh*: [12] = [5] + [10] – [11]

**4.2.3. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại**

*Chỉ tiêu 1 – 2:* Điền thông tin về tên và mã số thuế của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh cư trú tại Việt Nam của Tập đoàn đa quốc gia.

*Chỉ tiêu 3*: Điền số liệu điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác tương tự hướng dẫn tại Mục 3.2.3 Tờ khai thông tin này của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tương ứng.

**4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh**

**4.3.1. Lựa chọn hằng năm**

*Chỉ tiêu 1,2:* Điền thông tin tên và mã số thuế của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thực hiện các lựa chọn hằng năm. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chỉ cần điền thông tin của những đơn vị hợp thành có lựa chọn hằng năm, các đơn vị hợp thành không lựa chọn thì không phải khai thông tin vào mục này.

*Chỉ tiêu 3,4*: Tích chọn vào ô thể hiện việc lựa chọn hằng năm của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tương ứng đã khai tại chỉ tiêu 1, 2.

**4.3.2. Lựa chọn năm năm**

*Chỉ tiêu 1,2:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên và mã số thuế của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thực hiện các lựa chọn năm năm từ chỉ tiêu 3,4,5.

*Chỉ tiêu 3,4,5*: Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin năm lựa chọn và năm chấm dứt thực hiện vào các lựa chọn 3, 4, 5 tương ứng với đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai thông tin tại chỉ tiêu 1, 2 lựa chọn thực hiện.

**4.3.3. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả**

*Chỉ tiêu 1, 2:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên và mã số thuế của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh thực hiện các lựa chọn năm năm từ chỉ tiêu 3, 4.

*3. Năm lựa chọn*: Điền năm lựa chọn thực hiện điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả.

*4. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tick vào ô lựa chọn mà đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai thông tin tại chỉ tiêu 1, 2 lựa chọn thực hiện.

**4.4. Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế (Khoản 5, Mục II, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này)**

**4.4.1. Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế**

*Chỉ tiêu 1,2:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên và mã số thuế của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh có loại trừ thu nhập vận tải quốc tế, thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn.

*3. Thu nhập vận tải quốc tế:*

*3.1. Danh mục hoạt động*: Ghi tất cả các hoạt động có liên quan theo quy định đối với thu nhập vận tải quốc tế đã thu được.

*3.2. Doanh thu*: Khai tổng doanh thu thu được từ tất cả các hoạt động vận tải quốc tế của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai thông tin tại chỉ tiêu 1,2.

*3.3. Chi phí*: Khai tổng chi phí từ tất cả các hoạt động vận tải quốc tế của từng đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh đã khai thông tin tại chỉ tiêu 3, 4.

*3.4. Thu nhập vận tải quốc tế:* [5.4] = [5.2] – [5.3].

*4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn:* Khai các chỉ tiêu tương tự tại mục 5.

*5. Ảnh hưởng tới Giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ và chi phí tiền lương hợp lệ được giảm trừ:* Khai chi phí tiền lương và giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế bị loại trừ hoặc thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn.

*6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng*: Khai tất cả các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập quốc tế phụ trợ đạt chuẩn bị loại trừ.

**4.4.2. Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn**

*Chỉ tiêu 1,2:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên và mã số thuế của các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh có loại trừ thu nhập vận tải quốc tế, thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn.

*3. Tổng thu nhập vận tải quốc tế đối với tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh*: Khai tổng thu nhập vận tải quốc tế đối với tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh tại Việt Nam.

*4. Giới hạn 50% của tổng thu nhập vận tải quốc tế đối với tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh*: [6] = 50% x [5]

*5. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn đối với tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh*: Khai tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn đối với tất cả đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn liên doanh tại Việt Nam.

*8. Phần vượt mức giới hạn:* [8] = [7] – [6]

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải kê khai phần vượt mức giới hạn nếu tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn vượt quá 50% tổng thu nhập vận tải quốc tế của tất cả các đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh tại Việt Nam.

**4.5. Chuẩn mực kế toán khác**

*Chỉ tiêu 1,2:* Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai điền thông tin tên và mã số thuế của:

(i) Các đơn vị hợp thành sử dụng Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao;

(ii) Công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh sử dụng Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất của Liên doanh;

(iii) Công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh sử dụng Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng khác với chuẩn mực kế toán được sử dụng cho Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao.

*3. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng*: Khai Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc Chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng để tính toán thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành, công ty thành viên của Tập đoàn Liên doanh.